



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ THÍ NGHIỆM ĐIỆN MIỀN NAM

Địa chỉ: 48 Cửu Long, Phường 02, Quận Tân Bình, Thành Phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 08.67776245 - 0932.369.799

Website: www.etsc.vn; Email: etsc.vn@gmail.com



ISO/IEC 17025:2017

Số/ No: 1757/2025/KT-ETSC	PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM TRA CERTIFICATE OF TESTING	Ngày/ Date: 17/06/2025 Trang/ Page: 1/2
---------------------------	--	--

1. Khách hàng yêu cầu: Customer:	CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2 CHI NHÁNH VẬN HÀNH VÀ BẢO TRÌ NHÀ MÁY ĐIỆN – NHÀ MÁY NHIỆT ĐIỆN DUYÊN HẢI 2
2. Địa chỉ kiểm tra: Place of inspecting:	Phòng Kiểm Định Và Thí Nghiệm Điện – ETSC
3. Đối tượng kiểm tra: Type of inspecting:	Sào cách điện trung thế Medium voltage insulating pole
4. Số lượng/ Vị trí lắp đặt: Quantity/Installation location:	01 thiết bị/ 01 Devices; Di động ngoài công trường/ Mobile off-site
5. Phương pháp kiểm tra: Method of inspecting:	ETSC/KĐ/QT-06; TCVN 8096-200: 2010; TCVN 6615-1: 2009; QCVN QTĐ-5: 2009/BCT; TCVN 5587:1991; Tài liệu kỹ thuật NSX
6. Thời gian thực hiện: Inspection Date:	14÷16/06/2025
7. Thông số kỹ thuật: Specification:	Loại/ Type: HS-175-3 Số chế tạo / Seri No: 105992 Điện áp làm việc lớn nhất/ Maximum working voltage: 35 kV Chiều dài/ Length: 3.800mm Tiết diện/ Section: (38+34+30)mm ² Năm sản xuất/ Date of manufacture: 20/09/2024 Nhà sản xuất/ Manufacture: SEW - Taiwan
8. Phương tiện kiểm tra: Inspecting equipment:	Kyoritsu 3125A; DTE 70/50D; HZXC-10HZJ.
9. Điều kiện môi trường: Environmental conditions:	(32 ± 2) °C ; (60 ± 5) % RH
10. Kết quả kiểm tra: Inspecting result:	Xem trang sau See next page
11. Tem kiểm tra: Testing stamp No:	1234/25/ETSC
12. Kết luận Conclusion	Các chỉ tiêu kiểm tra phù hợp theo quy định/ The inspection criteria are consistent with the regulations
13. Khuyến cáo thời hạn kiểm tra lần sau: 06/2026 Recommended next testing period:	

Người Thực Hiện
Executor

Nguyễn Đức Tiến Luyện



Nguyễn Quốc Hoàn



KĐ/QT-06/M1

Ban hành lần 2



Nội dung kết quả đo mục 10 trang 1
Content of measured results 10 page 1

10.1 Kiểm tra tình trạng bên ngoài/ *Check out the outside condition:* Bình thường/ *Normal*

10.2 Kiểm tra kích thước hình học/ *Check geometric dimensions:*

Stt No	Đối tượng Object	Đơn vị Unit	Công bố của nhà sản xuất Manufacturer's announcement	Kết quả Result
1	Chiều dài sào/ <i>Length</i>	mm	3.800	3.800
2	Đường kính/ <i>Diameter</i>			
	- Đoạn 1/ <i>Line 1</i>	mm	38	38
	- Đoạn 2/ <i>Line 2</i>	mm	34	34
	- Đoạn 3/ <i>Line 3</i>	mm	30	30

10.3 Điện trở cách điện/ *Insulation resistance:*

Đối tượng Object	Trước khi thử cao thế/ <i>Before trying so high</i> (MΩ)	Sau khi thử cao thế/ <i>After trying so high</i> (MΩ)	Đánh giá <i>Evaluate</i>
Pha A-Vỏ (Case)	> 50.000	> 50.000	Đạt/ <i>Pass</i>

10.4 Điện áp xoay chiều tần số công nghiệp/ *Industrial frequency alternating voltage:*

Đối tượng Object	U (kV)	t (minutes)	Mức quy định <i>Standard level</i>	Kết quả <i>Result</i>
Phase A-Vỏ (Case)	100kV/30cm	5	Chịu được/ <i>Pass</i>	Không phóng điện/ <i>No discharge inspection</i>